

QUÂN KHU 7
BTC CT.THTT 80 NĂM
LỊCH SỬ VẼ VANG CỦA QK7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /QC-BTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUY CHẾ
Cuộc thi tìm hiểu “80 năm lịch sử vẻ vang của Quân khu 7”

Thực hiện Quyết định số 841/QĐ-QK ngày 28/4/2025 của Quân khu phê duyệt Kế hoạch số 1777/KH-CT ngày 25/4/2025 của Cục Chính trị Quân khu về tổ chức Cuộc thi tìm hiểu truyền thống “80 năm lịch sử vẻ vang của Quân khu 7”.

Ban Tổ chức Cuộc thi ban hành Quy chế như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định chung: Quy chế này quy định cụ thể mục đích, yêu cầu, nội dung, thành phần, hình thức tổ chức, phương pháp chấm điểm và cách xác định thành tích tác phẩm dự thi; cơ cấu giải thưởng và điều khoản thi hành.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Đánh giá kết quả quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch số 1777/KH-CT ngày 25/4/2025 của Cục Chính trị Quân khu đã được đồng chí Chính ủy Quân khu phê duyệt về tổ chức Cuộc thi tìm hiểu “80 năm lịch sử vẻ vang Quân khu 7”; trước hết là tuyên truyền cho cán bộ, chiến sỹ LLVT và Nhân dân trên địa bàn Quân khu nhận thức sâu sắc, tin tưởng, tự hào về lịch sử, truyền thống vẻ vang, những đóng góp to lớn của Quân khu 7 trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN và làm nghĩa vụ quốc tế vẻ vang; cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sỹ LLVT và Nhân dân trên địa bàn Quân khu phát huy tinh thần quyết chiến, quyết thắng và ý chí tự lực, tự cường, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ; vai trò xung kích của đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ, đoàn viên công đoàn trong hưởng ứng, tham gia cuộc thi tìm hiểu trên. Lựa chọn những tác phẩm dự thi tiêu biểu để trao giải, trưng bày tại Lễ kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Quân khu (10/12/1945-10/12/2025) và trưng bày phục vụ tham quan, triển lãm chào mừng kỷ niệm.

2. Yêu cầu

Tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc; chấm thi phải khách quan, chính xác, dân chủ, công khai; phát huy tinh thần trách nhiệm của từng thành viên trong Ban Giám khảo. Tổ chức trao giải theo quy định, mang ý nghĩa thiết thực; mang tính tuyên truyền, giáo dục cao.

Điều 3. Tên gọi, thành phần, đối tượng tham gia Cuộc thi

1. Tên gọi: Cuộc thi tìm hiểu truyền thống “80 năm lịch sử vẻ vang của Quân khu 7”.

2. Thành phần, đối tượng

- 100% sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ, công nhân và viên chức quốc phòng, lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ trong LLVT Quân khu 7 (cán bộ, chiến sỹ).

- Cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, ban, ngành địa phương; đoàn viên, thanh niên, hội viên các tổ chức chính trị xã hội; học sinh, sinh viên các Nhà trường (Đại học, Cao đẳng, THPT...) trên địa Quân khu 7 và toàn thể Nhân dân.

(Các đồng chí trong Ban Tổ chức, Ban Giám khảo ở cấp nào, không tham gia Cuộc thi do cấp đó và cấp dưới tổ chức).

II. TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP

Điều 4. Thành phần và nhiệm vụ của Ban Tổ chức

a) Thành phần Ban Tổ chức

- Đại tá Phạm Anh Tuấn, Chủ nhiệm Chính trị Quân khu, Trưởng ban.
- Đại tá Nguyễn Như Trúc, Phó Chủ nhiệm Chính trị Quân khu, Phó Trưởng ban Thường trực.
- Đại tá Đinh Hồng Quân, Trưởng phòng Tuyên huấn, CCT Quân khu, Phó Trưởng ban.
- Đại tá Trần Huy Định, Trưởng phòng KHQS/BTM Quân khu, Ủy viên.
- Đồng chí Trưởng phòng CTQC/CCT QK, Ủy viên.
- Đại tá Nguyễn Ngọc Điệp, Giám đốc Bảo tàng Quân khu, Ủy viên.
- Đồng chí Phó Tổng Biên tập Báo Quân khu, Ủy viên.
- Trung tá Lê Đình Lượng, Trợ lý Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị Quân khu, Ủy viên, Thư ký.

b) Nhiệm vụ của Ban Tổ chức

- Có nhiệm vụ soạn thảo Quy chế chấm thi, thống nhất phương pháp, nội dung và phân công cho các bộ phận có liên quan làm công tác chuẩn bị.
- Quyết định danh sách, đối tượng đủ điều kiện được tham gia chấm thi và trao giải Cuộc thi cấp Quân khu.
- Phân công, điều hành Ban Giám khảo tổ chức chấm thi.
- Đề nghị kỷ luật nếu cá nhân, tập thể vi phạm Quy chế.
- Tổng hợp kết quả báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu; đề xuất khen thưởng và tổng kết, trao thưởng.

Điều 5: Thành phần và nhiệm vụ của Ban Giám khảo, Tổ Thư ký

1. Thành phần

a) Ban Giám khảo Cuộc thi

- Đại tá Nguyễn Như Trúc, Phó Chủ nhiệm Chính trị Quân khu, Trưởng ban.
- Đại tá Đinh Hồng Quân, Trưởng phòng Tuyên huấn, CCT Quân khu, Phó Trưởng ban.
- Đại tá Nguyễn Văn Minh, Phó Trưởng Phòng KHQS/BTM QK, Ủy viên.
- Đồng chí Trưởng phòng CTQC/CCT QK, Ủy viên.
- Đại tá Nguyễn Ngọc Điệp, Giám đốc Bảo tàng Quân khu, Ủy viên.
- Đại tá Nguyễn Chí Bắc, Phó Trưởng phòng Tuyên huấn/CCT QK, Ủy viên.
- Đồng chí Phó Tổng Biên tập Báo Quân khu, Ủy viên.
- Trung tá Lê Đình Lượng, Trợ lý Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị Quân khu, Ủy viên, Thư ký.

b) Tổ Thư ký Cuộc thi

- Trung tá Lê Đình Lượng, Trợ lý Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị Quân khu, Tổ trưởng.
- Trung tá Nguyễn Hồng Hải, Trợ lý Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị Quân khu, Thành viên.

2. Nhiệm vụ

a) Ban Giám khảo: Chấm tác phẩm dự thi theo đúng quy chế, bảo đảm công khai, khách quan, chính xác. Giải quyết tình huống nảy sinh trong quá trình chấm thi, kịp thời báo cáo với Ban Tổ chức về những vấn đề vượt quá quyền hạn của Ban Giám khảo. Báo cáo kết quả chấm thi gửi về Ban Tổ chức (qua Tổ Thư ký) đúng thời gian quy định.

b) Tổ Thư ký: Tổng hợp kết quả chấm thi của BGK, báo cáo Ban Tổ chức.

Điều 6. Hình thức, nội dung cuộc thi, quy định tác phẩm dự thi

1. Hình thức: Viết tay hoặc đánh máy bằng tiếng Việt, đóng thành quyển (khuyến khích sử dụng các mô hình, thiết bị, công nghệ hỗ trợ...)

2. Nội dung cuộc thi: Gồm 07 câu hỏi:

(1) Quân khu 7 được thành lập ngày, tháng, năm nào? Ở đâu? Chỉ thị nào của Trung ương Đảng, Nghị quyết nào của Xứ ủy Nam Bộ quyết định đến công cuộc xây dựng LLVT ở miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ phát triển đúng hướng và vững chắc? Tư lệnh, Chính ủy (Phó Tư lệnh về Chính trị) Quân khu qua các thời kỳ?

(2) Quá trình hình thành, phát triển của Quân khu 80 năm qua?

(3) Những nét tiêu biểu truyền thống vẻ vang của LLVT Quân khu 7?

(4) Những địa danh lịch sử cách mạng nổi tiếng trên địa bàn Quân khu 7?

(5) Những trận đánh, chiến dịch tiêu biểu của quân và dân Quân khu 7 trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược?

(6) Những đề án chủ trương mới, cách làm sáng tạo, mô hình hiệu quả của LLVT Quân khu hiện nay?

(7) Viết cảm tưởng, hoặc kỷ niệm của bản thân, gia đình về người chiến sỹ Quân khu 7, về mối quan hệ giữa Nhân dân với LLVT Quân khu 7 và trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay (từ 1.500 đến 2.000 từ)?

3. Quy định tác phẩm dự thi

- Tác phẩm dự thi trả lời đầy đủ 07 câu hỏi và được đánh số trang theo thứ tự, đóng lại thành tập (khuyến khích sử dụng tranh, ảnh minh họa; các mô hình, thiết bị, công nghệ thông tin... hỗ trợ).

- Tác phẩm dự thi ghi rõ: Tác phẩm dự thi tìm hiểu ***“80 năm lịch sử về vang của Quân khu 7”***, họ tên, tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp, số điện thoại bản thân. Riêng tác phẩm thi của cán bộ, chiến sỹ trong LLVT Quân khu ghi rõ: Họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị (3 cấp, tới cấp trực thuộc Quân khu - có phụ lục kèm theo); gửi về Ban Tổ chức Cuộc thi cấp Quân khu (qua Phòng Tuyên huấn) đúng thời gian quy định.

- Ban Tổ chức Cuộc thi không nhận những tác phẩm dự thi photôcopy (tác phẩm có nội dung, hình thức giống nhau) và tác phẩm dự thi do nhiều người cùng viết (đồng tác giả). Một tác phẩm chỉ được gửi tham gia thi ở một cơ quan, đơn vị tổ chức (không được dự thi nhiều cơ quan khác nhau).

Điều 7. Phương pháp tổ chức Cuộc thi, số lượng tác phẩm dự thi

a) Phương pháp

- Các cơ quan, đơn vị quán triệt, lập kế hoạch tổ chức cho 100% cán bộ, chiến sỹ có tác phẩm dự thi đồng thời chấm điểm, đánh giá kết quả, tổng kết, trao thưởng, chọn tác phẩm tham gia Cuộc thi cấp Quân khu (100% kế hoạch tổ chức Cuộc thi ở các cấp phải có cơ cấu giải thưởng riêng để động viên các đối tượng tích cực tham gia Cuộc thi).

- Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS các tỉnh trên địa bàn Quân khu xây dựng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội của địa phương; các Nhà trường (Đại học, Cao đẳng, THPT...) tuyên truyền sâu rộng về Cuộc thi; động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức; đoàn viên, thanh niên, hội viên, học sinh, sinh viên... và Nhân dân địa phương tích cực tham gia Cuộc thi. Chấm điểm, đánh giá kết quả, tổng kết trao thưởng và chọn tác phẩm chất lượng tốt tham gia Cuộc thi cấp Quân khu.

- Các cơ quan, đơn vị phối hợp với các đơn vị kết nghĩa tuyên truyền sâu rộng và lập kế hoạch, phối hợp, động viên các thành phần tham gia Cuộc thi do cơ quan, đơn vị mình tổ chức.

- Tác phẩm dự thi của các cá nhân không thuộc LLVT Quân khu: Ở địa phương nào thì gửi tác phẩm tham gia thi tại cơ quan quân sự cấp tỉnh của địa phương đó (tại Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ CHQS các tỉnh).

b) Số lượng tác phẩm chất lượng tốt tham gia Cuộc thi cấp Quân khu

- Các cơ quan Quân khu (Bộ Tham mưu, Cục Chính trị, Cục Hậu cần - Kỹ thuật Quân khu): Mỗi cơ quan tối thiểu 10 tác phẩm.

- Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh tối thiểu 40 tác phẩm (trong đó tối thiểu 15 tác phẩm thi của các thành phần không thuộc LLVT Quân khu). Bộ CHQS các tỉnh tối thiểu 25 tác phẩm/đơn vị (trong đó tối thiểu 10 tác phẩm dự thi của các thành phần không thuộc LLVT Quân khu).

- Sư đoàn 5 tối thiểu 10 tác phẩm. Các Sư đoàn (302, 309), Trường Quân sự Quân khu: Mỗi đơn vị tối thiểu 07 tác phẩm.

- Sư đoàn 7, các Lữ đoàn binh chủng tối thiểu 04 tác phẩm/đơn vị.

- Các đơn vị còn lại tối thiểu 03 tác phẩm/đơn vị.

(Cơ quan, đơn vị nào có nhiều tác phẩm chất lượng tốt, khuyến khích gửi tham gia dự thi cấp Quân khu).

c) Thời gian báo cáo kết quả

- Từ 01/10 - 10/10/2025: Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả Cuộc thi và tác phẩm dự thi cấp Quân khu về Cục Chính trị (qua Phòng Tuyên huấn).

- Từ 10/10 - 31/10/2025: Ban Giám khảo chấm điểm, tổng hợp kết quả báo cáo Ban Tổ chức Cuộc thi, Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu.

III. PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM VÀ CÁCH XÁC ĐỊNH THÀNH TÍCH

Điều 8. Chấm điểm

a) Hình thức chấm thi: Chấm tác phẩm dự thi để trao giải thưởng cho cá nhân; tính thành tích tập thể.

- Vòng 1 - Chấm sơ khảo: Lựa chọn những tác phẩm dự thi có quy cách, hình thức, nội dung phong phú, đa dạng, có đầu tư vào vòng Chung khảo.

- Vòng 2 - Chấm chung khảo, xếp hạng và trao giải: Lựa chọn những tác phẩm tiêu biểu nhất về nội dung, hình thức, tính sáng tạo, đột phá, chất lượng hình ảnh tốt nhất; có cảm nhận sâu sắc nhất..., để trao giải.

* Ban Giám khảo cân nhắc, xem xét các tác phẩm dự thi đã được xếp loại, trao giải tại Cuộc thi của các cơ quan, đơn vị.

b) Chấm theo thang điểm 100.

- Về nội dung = 80 điểm

- + Câu 1: 10 điểm. Trả lời đúng nội dung, có phân tích, nghiên cứu sâu: 06 điểm, có hình ảnh minh họa: 04 điểm.
- + Câu 2: 10 điểm. Trả lời đúng nội dung, có phân tích, nghiên cứu sâu: 06 điểm, có hình ảnh minh họa: 04 điểm.
- + Câu 3: 10 điểm. Trả lời đúng nội dung, có phân tích, nghiên cứu sâu: 06 điểm, có hình ảnh minh họa: 04 điểm.
- + Câu 4: 10 điểm. Trả lời đúng nội dung, có phân tích, nghiên cứu sâu: 06 điểm, có hình ảnh minh họa: 04 điểm.
- + Câu 5: 10 điểm. Trả lời đúng nội dung, có phân tích, nghiên cứu sâu: 06 điểm, có hình ảnh minh họa: 04 điểm.
- + Câu 6: 10 điểm. Trả lời đúng nội dung, có phân tích, nghiên cứu sâu: 06 điểm, có hình ảnh minh họa: 04 điểm.
- + Câu 7: 20 điểm. Nội dung sát với yêu cầu câu hỏi: 10 điểm, liên hệ thực tiễn bản thân, đơn vị: 10 điểm.

- Về hình thức = 20 điểm

- + Trình bày đẹp, bố cục rõ ràng = 05 điểm.
- + Minh họa phù hợp; có mô hình, giá trưng bày, áp dụng công nghệ thông tin; không mắc lỗi chính tả, có tính sáng tạo cao... = 15 điểm.

- Đối với các tác phẩm thi mắc phải các lỗi như: Trình bày sai sự kiện, số liệu không chính xác hoặc trả lời không đúng với câu hỏi; sai lỗi kỹ thuật... thì trừ điểm (trừ từ 2-10 điểm/lỗi).

- Tác phẩm dự thi sẽ bị loại nếu phân tích, dẫn chứng không đúng quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội; tùy theo tính chất, mức độ Ban Giám khảo đề nghị Ban Tổ chức có hình thức xử lý phù hợp.

Điều 9. Căn cứ xếp loại

- Điểm của mỗi tác phẩm dự thi là điểm trung bình cộng của các thành viên Ban Giám khảo chấm cho mỗi tác phẩm dự thi.

- Nếu điểm của từng Giám khảo chấm cho cùng 01 tác phẩm dự thi chênh lệch quá 25 điểm thì tổ chức chấm lại tác phẩm dự thi đó.

- Lựa chọn tác phẩm có số điểm từ cao xuống thấp để trao giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích. Trong trường hợp có nhiều tác phẩm thi bằng điểm nhau, tác phẩm thi nào có điểm thi câu hỏi số 7 cao hơn thì xếp trên, nếu vẫn bằng nhau, Ban Giám khảo, Ban Tổ chức cuộc thi sẽ họp thống nhất lại, quyết định cuối cùng do Ban Tổ chức.

IV. KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 10. Quy định về khen thưởng

a) Tập thể: Căn cứ thành tích của các tập thể (công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kết quả triển khai tổ chức Cuộc thi...; tỷ lệ quân số dự thi; tỷ lệ tác phẩm dự thi chất lượng tốt; kết quả chấm thi các tác phẩm của đơn vị tham gia thi cấp Quân khu...); Ban Tổ chức đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu tặng Bằng khen, kèm theo tiền thưởng (về số lượng giải thưởng do Ban Tổ chức Cuộc thi cấp Quân khu đề xuất).

b) Cá nhân:

- Khen thưởng đối với cán bộ, chiến sĩ LLVT Quân khu (20 giải):

+ 01 giải Nhất, tặng Bằng khen của Quân khu kèm theo tiền thưởng 7.000.000 đồng.

+ 03 giải Nhì, mỗi giải tặng Bằng khen của Quân khu kèm theo tiền thưởng 5.000.000 đồng.

+ 06 giải Ba, mỗi giải tặng Bằng khen của Quân khu kèm theo tiền thưởng 3.000.000 đồng.

+ 10 giải Khuyến khích, mỗi giải tặng Giấy khen của Ban Tổ chức Cuộc thi kèm theo tiền thưởng 1.500.000 đồng.

- Khen thưởng đối với các cá nhân không thuộc LLVT Quân khu (10 giải):

+ 01 giải Nhất, tặng Bằng khen của Quân khu kèm theo tiền thưởng 7.000.000 đồng.

+ 02 giải Nhì, mỗi giải tặng Bằng khen của Quân khu kèm theo tiền thưởng 5.000.000 đồng.

+ 03 giải Ba, mỗi giải tặng Bằng khen của Quân khu kèm theo tiền thưởng 3.000.000 đồng.

+ 04 giải Khuyến khích, mỗi giải tặng Giấy khen của Ban Tổ chức Cuộc thi kèm theo tiền thưởng 1.500.000 đồng.

(Căn cứ vào kết quả Hội thi, Ban Tổ chức báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu quyết định tăng hoặc giảm số lượng giải thưởng; quyết định bổ sung tặng Giấy khen)

Điều 11. Kỷ luật

Ban Giám khảo kiến nghị Ban Tổ chức xem xét có hình thức phê bình đối với các tác phẩm dự thi vi phạm Quy chế này. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, có thể loại tác phẩm dự thi.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

- Quy chế này áp dụng trong tổ chức Cuộc thi tìm hiểu truyền thống “80 năm lịch sử vẻ vang của Quân khu 7” do Quân khu tổ chức.

- Các thành viên trong Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký, các cá nhân tham gia cuộc thi nghiêm túc thực hiện Quy chế này.

- Việc sửa đổi, bổ sung chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên Ban Tổ chức. Trường hợp vẫn còn có ý kiến khác nhau, quyền quyết định cuối cùng thuộc về Trưởng Ban tổ chức cuộc thi.

- Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được công bố, hết hiệu lực khi Cuộc thi kết thúc.

(Thông tin chi tiết về Cuộc thi liên hệ Trung tá Lê Đình Lượng, Trợ lý Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị Quân khu 7)./. *VA*

**TM. BAN TỔ CHỨC
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

Nội nhận:

- Bộ Tư lệnh Quân khu;
- Ban Chủ nhiệm CCTQK;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Phòng KHQS/BTMMQK;
- Phòng KH-TH, CTQC/CCTQK;
- Báo, Bảo tàng QK;
- Thành viên BTC, BGK, TTK;
- Lưu: VT, TH/CT. L70.



**PHÓ CHỦ NHIỆM CHÍNH TRỊ QUÂN KHU
Đại tá Nguyễn Như Trúc**



Phụ lục I

GỢI Ý NỘI DUNG CUỘC THI TÌM HIỂU TRUYỀN THÔNG “80 NĂM LỊCH SỬ VẄ VẮNG CỦA QUÂN KHU 7”

(Kèm theo Quy chế số 56 /QC-BTC ngày 4/6/2025 của BTC Cuộc thi THPTQG)

Câu 1: Quân khu 7 được thành lập ngày, tháng, năm nào? Ở đâu? Chỉ thị nào của Trung ương Đảng, Nghị quyết nào của Xứ ủy Nam Bộ quyết định đến công cuộc xây dựng LLVT ở miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ phát triển đúng hướng và vững chắc? Tư lệnh, Chính ủy (Phó Tư lệnh về Chính trị) Quân khu qua các thời kỳ?

1. Ngày thành lập: Quân khu 7 được thành lập ngày 10/12/1945.

2. Nơi thành lập: Xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn (sau đó là xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; hiện nay là xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh).

3. Chỉ thị của nào của Trung ương Đảng, Nghị quyết nào của Xứ ủy Nam Bộ quyết định đến công cuộc xây dựng LLVT ở miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ phát triển đúng hướng và vững chắc?

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trên địa bàn miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, các đơn vị vũ trang tập trung lần lượt ra đời. Đó là những đơn vị vũ trang do đảng viên cộng sản hoặc cán bộ cách mạng cốt cán đứng ra tập hợp, chỉ huy, gọi là bộ đội. Tên người chỉ huy được lấy để gọi tên đơn vị; điển hình như: bộ đội Cao Đức Lộc, Huỳnh Tấn Chùa, Tô Ký, Nguyễn Văn Thược, Huỳnh Văn Một, Thái Văn Lung, Đào Sơn Tây, Dương Văn Dương... (Sài Gòn); Huỳnh Văn Nghệ (Biên Hòa), Huỳnh Kim Trương (Thủ Dầu Một), Trần Văn Dầu (Tây Ninh), Lê Văn Tường (Tân An), Đoàn Tử Bầy (Bình Thuận), Nguyễn Chí Diễm (Lâm Viên, Đồng Nai Thượng)... Tại một số huyện, chính quyền cách mạng xây dựng đơn vị bộ đội riêng cho huyện mình.

Bên cạnh những đơn vị vũ trang tập trung nêu trên, tại Sài Gòn, Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ tiếp nhận một đơn vị vũ trang vốn là Bảo an binh cũ có bổ sung thêm công nhân, thanh niên học sinh và một số đảng viên cộng sản vào làm nòng cốt, gọi là Cộng hòa vệ binh, tổ chức thành Đệ nhất sư đoàn. Tổ chức Cộng hòa vệ binh còn được xây dựng ở một số tỉnh, lực lượng có từ một, hai đại đội đến một tiểu đoàn. Thành phần trong các đơn vị vũ trang tập trung đại bộ phận là nông dân, công nhân, lao động thành thị, thanh niên học sinh, nhân sĩ trí thức; được trang bị ngoài một ít súng trường cũ của Pháp, Anh, Nhật, súng lục và lựu đạn, còn lại chủ yếu là giáo mác, gậy tầm vông vạt nhọn.

Trước hành động xâm lược của giặc Pháp, với lòng yêu nước tha thiết và trong khí thế hùng hực cách mạng sau ngày Tổng khởi nghĩa, chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng vũ trang của ta đã phát triển hết sức nhanh chóng. Tuy nhiên, thành phần hợp thành các đơn vị vũ trang khá phức tạp, hầu hết chưa có kinh nghiệm chiến đấu và thiếu trang bị, từng đơn vị hoạt động chiến đấu độc

lập, thiếu chỉ huy chung, thậm chí một số đơn vị nằm ngoài sự lãnh đạo, quản lý của tổ chức Đảng và chính quyền cách mạng địa phương. Tình hình đặt ra cần có một chủ trương đúng đắn nhằm thống nhất, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của cuộc kháng chiến.

*** Hội nghị Cán bộ Đảng Nam Bộ (25-10-1945)**

Kịp thời chỉ đạo cuộc kháng chiến đang ngày càng lan rộng, đặc biệt là thống nhất và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang, ngày 25-10-1945, Xứ ủy Nam Bộ tổ chức tiến hành Hội nghị Cán bộ Đảng ở Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Dự Hội nghị có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng, Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng và một số đồng chí khác vừa từ Nhà ngục Côn Đảo trở về; có các thành viên trong Xứ ủy và đại biểu Đảng bộ các tỉnh, thành Nam Bộ.

Hội nghị phân tích tình hình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo kháng chiến từ Hội nghị Cây Mai, Chợ Lớn (23-9-1945). Hội nghị biểu dương tinh thần chiến đấu ngoan cường và thành tích chiến đấu anh dũng của quân và dân Nam Bộ. Hội nghị cũng chỉ rõ những sai lầm, thiếu sót trong việc xây dựng và tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Hội nghị đề ra nhiều biện pháp cấp thiết để củng cố và xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, đặt lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo trực tiếp tuyệt đối của Đảng; phát triển chiến tranh du kích thực hiện tiêu thổ kháng chiến; làm vườn không nhà trống, vận động quần chúng bất hợp tác với địch.

Hội nghị nhất trí bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Bí thư Xứ ủy. Đồng chí Tôn Đức Thắng không nhận mà đề cử đồng chí Lê Duẩn đảm nhận trách nhiệm này. Hội nghị nhất trí và phân công đồng chí Tôn Đức Thắng phụ trách ủy ban Kháng chiến và chỉ đạo lực lượng vũ trang.

*** Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (25-11-1945)**

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị về Kháng chiến kiến quốc. Dựa trên những nhận định về tình hình khách quan và chủ quan về tình hình ta, địch, Chỉ thị chỉ rõ: “Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành vì nước ta chưa hoàn toàn độc lập”. Khẩu hiệu vẫn là “Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”. Chỉ thị xác định, kẻ thù chính của Nhân dân Đông Dương lúc này là “thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”, đề ra nhiệm vụ cần kíp của Nhân dân Đông Dương đối với cách mạng thế giới. Đối với cách mạng Việt Nam, nhiệm vụ riêng, cần kíp là củng cố chính quyền; chống thực dân Pháp xâm lược; bài trừ nội phản; cải thiện đời sống Nhân dân.

Chỉ thị đã đề ra những nhiệm vụ cho từng mặt công tác, trong đó về quân sự, Chỉ thị xác định: *Động viên toàn dân kiên trì kháng chiến, tổ chức lãnh*

đạo cuộc kháng chiến lâu dài, dùng lối đánh du kích với phương pháp bất hợp tác triệt để.

Chỉ thị nhấn mạnh: muốn thực hiện được những nhiệm vụ trên, Đảng và Mặt trận Việt Minh phải được củng cố và phát triển. Đảng phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật và nửa công khai của Đảng, tuyển thêm đảng viên; giữ vững sinh hoạt của Đảng; thành lập Đảng đoàn trong các cơ quan hành chính và các đoàn thể quần chúng; xây dựng hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội.

Tóm lại: Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ Đảng Nam Bộ (25-10-1945) và Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (25-11-1945) có ý nghĩa quyết định đối với công cuộc xây dựng LLVT ở Nam Bộ nói chung. Nó tạo điều kiện cho LLVT ở miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ phát triển một cách đúng hướng và vững chắc. Đó là LLVT cách mạng, do Đảng ta sáng lập và lãnh đạo, từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân mà chiến đấu.

4. Tư lệnh, Chính ủy (phó Tư lệnh Chính trị) QK qua các thời kỳ

a) Tư lệnh QK7 (Phân Liên khu miền Đông, Ban QS miền Đông Nam bộ)

- Nguyễn Bình (1945-1948)
- Huỳnh Văn Nghệ (1948-1949)
- Trần Văn Trà (1950-1951), (1951-1954), (1976-1978)
- Nguyễn Hữu Xuyến (1958-1961), (1961-1963)
- Nguyễn Văn Bứa (1963-1967), (1972-1974)
- Lương Văn Nho (1968-1971)
- Lê Văn Ngọc (1974-1975)
- Lê Đức Anh (1978-1979)
- Đoàn Văn Cống (1979-1982)
- Nguyễn Minh Châu (1982-1987)
- Nguyễn Thới Bưng (1988-1989)
- Bùi Thanh Vân (1989-1994)
- Đỗ Quang Hưng (1994-1995)
- Lê Văn Dũng (1995-1997)
- Phan Trung Kiên (1998-2002)
- Nguyễn Văn Chia (2003-2004)
- Lê Mạnh (2005-2009)
- Triệu Xuân Hòa (2009-2011)
- Trần Đơn (2011-2015)

- Võ Minh Lương (2015-2020)

- Nguyễn Trường Thắng (2020-nay)

b) Tư lệnh QK Sài Gòn-Chợ Lớn, Sài Gòn-Gia Định:

- Tô Ký (1948-1949)

- Trần Văn Trà (1949-1950)

- Nguyễn Văn Thi (1950-1951)

- Trần Hải Phụng (1961-1965), (1972-1974)

- Trần Đình Xu (1965-1967)

- Trần Văn Phú (1974-1975)

- Trần Mân.

c) Chính ủy, Phó Tư lệnh Chính trị Quân khu 7 (Phân Liên khu miền Đông, Ban QS miền Đông Nam bộ)

- Trần Xuân Độ (1945-1946)

- Nguyễn Văn Trí (1946-1949)

- Phan Trọng Tuệ (1949-1950)

- Trần Văn Trà (1950-1951), (1976-1978)

- Phạm Hùng (1951-1954)

- Mai Chí Thọ (1958-1960)

- Nguyễn Việt Hồng (1961-1964)

- Nguyễn Ngọc Tân (1964-1967)

- Huỳnh Chí Mạnh

- Lê Đình Nhơn (1968-1971)

- Trần Nam Trung (1972-1974)

- Dương Cự Tầm (1974-1975), (1980-1987)

- Lê Đức Anh (1978-1979)

- Nguyễn Xuân Hòa (1987-1993)

- Lê Thành Tâm (1993-2004)

- Nguyễn Thành Cung (2004-2010)

- Phạm Văn Dĩ (2010-2018)

- Trần Hoài Trung (2018-2025)

- Trần Vinh Ngọc (3/2025-nay).

d) Chính ủy QK Sài Gòn-Chợ Lớn, Sài Gòn-Gia Định:

- Phan Trọng Tuệ (1948-1949)
- Trần Văn Trà (1949-1950)
- Nguyễn Văn Linh (1950-1954), (1966-1967)
- Nguyễn Hồng Đào (1961-1962)
- Võ Văn Kiệt (1962-1965)
- Nguyễn Văn Bảo (1965-1966)
- Mai Chí Thọ (1972-1973)
- Lê Thanh (1973-1974)
- Mai Văn Chút (1974-1975).

Câu 2: Quá trình hình thành, phát triển của Quân khu 80 năm qua?

Ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ 2. Quân và dân Nam bộ, trước hết là quân và dân Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định đã thay mặt cả nước đứng lên chiến đấu, cuộc chiến lan rộng ra khắp miền Đông và sau đó là miền Tây Nam bộ.

Để có sự thống nhất trong chỉ huy, chỉ đạo ngày 10/12/1945 tại Hội nghị quân sự Nam bộ do Xứ ủy tổ chức (*hợp ở xã Bình Hòa Nam - huyện Đức Hòa tỉnh Chợ Lớn, sau đó là tỉnh Long An; nay là xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh*) đã ra quyết định thành lập Khu 7 - một tổ chức quân sự hành chính do các đồng chí Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, Trần Xuân Độ làm Chủ nhiệm Chính trị bộ.

Địa bàn Khu 7 khi thành lập bao gồm phần đất Nam bộ ở phía Đông sông Vàm cỏ Đông, gồm các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Chợ Lớn và TP Sài Gòn. Đến tháng 12/1948 có quyết định thành lập khu Sài Gòn trực thuộc Bộ Tư lệnh Nam bộ thì khu 7 chỉ còn lại các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa-Thủ Dầu Một, Tây Ninh, đến tháng 5/1950 khu 7 và khu Sài Gòn-Chợ Lớn sáp nhập lại như cũ.

Tháng 6/1951, tổ chức chiến trường Nam bộ có sự thay đổi lớn. Chiến trường Nam bộ được chia thành 2 phân liên khu và 1 đặc khu. Đó là Phân liên khu miền Đông, Phân liên khu miền Tây (lấy sông Tiền làm ranh giới) và đặc khu Sài Gòn. (*Lâm Đồng, Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp thuộc khu 5*).

Phân liên khu miền Đông gồm các tỉnh: Thủ Biên (*do Thủ Dầu Một và Biên Hòa sáp nhập*), Gia Định Ninh (*do Gia Định và Tây Ninh sáp nhập*) Bà Chợ (*do Bà Rịa và Chợ Lớn sáp nhập*), Mỹ Tho (*gồm Mỹ Tho, Gò Công và Tân An sáp nhập*). Long Châu Sa (*do phần Long Xuyên, phần Châu Đốc phía Đông sông Tiền và Sa Đéc sáp nhập*). Toàn Nam bộ 20 tỉnh, lúc đó sáp nhập còn 10 tỉnh.

Sau Hiệp định Giơnevơ 7/1954, chấp hành chỉ thị của trên, phần lớn các đơn vị bộ đội tập trung ở miền Đông, tập kết chuyển quân ra Bắc. Số cán bộ còn lại tiếp tục chuẩn bị lực lượng đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Hai phân liên khu miền Đông và miền Tây được lệnh giải thể chỉ còn giữ lại đặc khu Sài Gòn hoạt động bí mật.

Trong kháng chiến chống Mỹ, miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ thuộc chiến trường B2. Chiến trường B2 gồm Nam bộ, một phần cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên (*Gia Nghĩa, Lâm Đồng, Ninh Thuận và Đắk Lắk*). B2 bấy giờ chia thành 4 khu: khu 6 (*gồm phần cực Nam Trung bộ*), khu 7, khu 8, khu 9.

Riêng ở địa bàn miền Đông Nam bộ từ tháng 5 năm 1961 có 2 Quân khu: Quân khu 7 (*mật danh T1, hay T7; gồm các tỉnh: Phước Ty, Long Khánh, Phước Long, Bình Long, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Biên Hòa, Bà Rịa*) và Quân khu Sài Gòn-Gia Định (*mật danh T4 hay L4*).

Đến tháng 10 năm 1967, để tổ chức lại chiến trường chuẩn bị cho đợt tổng công kích Mậu Thân 1968 trên quyết định giải thể khu 7 và Quân khu Sài Gòn-Gia Định, tổ chức khu trọng điểm với trung tâm là Sài Gòn, chia địa bàn miền Đông (*lúc này có thêm tỉnh Long An*) ra làm 6 phân khu, trong đó có 5 phân khu trong và ven đô, hình thành các mũi tiến công vào Sài Gòn. Phân khu I (*Bắc-Tây Bắc*), phân khu 2 (*Tây-Tây Nam*), Phân khu 3 (*Tây Nam*) phân khu 4 (*Đông Nam*), phân khu 5 (*Đông-Đông Bắc*), phân khu 6 (*Phân khu Trung tâm*) và tổ chức 2 Bộ Tư lệnh (*Bộ Tư lệnh tiền phương Bắc và Bộ tư lệnh tiền phương Nam*).

Đến thời kỳ chống “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ, năm phân khu (1, 2, 3, 4, 5) sáp nhập còn 4 phân khu (*phân khu 2 và 3 sáp nhập thành phân khu 23*) và phân khu nội đô (*Trung tâm*). Đến 19/8/1972, do vị trí của chiến trường miền Đông Nam bộ là chiến trường quan trọng nên trên quyết định thành lập lại Quân khu 7 và Quân khu Sài Gòn-Gia Định. Quân khu 7 lúc này gồm các tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, Phước Bình, (*Phước Long-Bình Long*) Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Long An.

Sau ngày toàn thắng, theo quyết định của Quân ủy Trung ương (02/7/1976). Bộ chỉ huy Miền (B2) được giải thể, các Quân khu 5, 7, 9 được thành lập, chiến trường miền Đông chính là Quân khu 7 (*từ 1976 đến 1998 với 7 tỉnh thành: Đồng Nai, BR-VT, Long An, Tây Ninh, Sông Bé và TP.HCM*). Từ tháng 12/1998, Quân khu 7 có thêm 2 tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng; từ đó, Quân khu 7 có 01 thành phố và 07 tỉnh, đó là: Thành phố Hồ Chí Minh; Long An; Đồng Nai; Tây Ninh; Bà Rịa - Vũng Tàu; Sông Bé (từ năm 1997 tách thành tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước); Bình Thuận; Lâm Đồng.

Từ ngày 12/6/2025, Quân khu 7 gồm **Thành phố Hồ Chí Minh** (nhập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh) và 3 tỉnh: **Lâm Đồng** (nhập tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Thuận), **Đồng Nai** (nhập tỉnh Đồng Nai, Bình Phước), **Tây Ninh** (nhập tỉnh Tây Ninh, Long An).

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

LLVT cách mạng ở miền Đông Nam bộ ra đời từ sau CMT8/1945. Cùng với quá trình phát triển của sự nghiệp kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng và được Nhân dân che chở, nuôi dưỡng, LLVT 3 thứ quân ở miền Đông Nam bộ

lần lượt hình thành và gắn liền với các phong trào cách mạng của Nhân dân, gắn liền với từng bước đi của lịch sử dân tộc.

Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, quân và dân miền Đông Nam bộ trước hết là quân và dân thành phố Sài Gòn đã anh dũng đứng lên kháng chiến. Trong hoàn cảnh khó khăn bở ngỡ của buổi đầu đánh giặc, quân và dân Sài Gòn-Chợ lớn-Gia Định đã vây hãm quân địch trong thành phố, tạo điều kiện cho Nhân dân toàn miền củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng LLVT, xây dựng căn cứ địa, chuẩn bị tinh thần và thực lực mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài. Sau gần 15 tháng chiến đấu, quân và dân miền Đông Nam bộ đã hoàn thành nhiệm vụ **“đi trước”** mà lịch sử giao phó, góp phần làm xáo trộn kế hoạch chiến lược **“đánh nhanh, thắng nhanh”** của thực dân Pháp, tạo điều kiện về thời gian cho Nhân dân cả nước chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến một cách chủ động.

Từ năm 1947 đến năm 1950, địa bàn miền Đông Nam bộ là một trong những trọng điểm **“Bình Định”** của địch, một trong những hậu phương dự trữ chiến lược của chúng ở chiến trường Việt Nam. Quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã tập trung nỗ lực chống lại chính sách **“Bình Định”** của địch, chấn chỉnh và xây dựng LLVT 3 thứ quân, sáng tạo ra nhiều cách đánh độc đáo và có hiệu quả trong chống càn quét, trong phục kích giao thông, trong tiến công đồn bốt, cứ điểm, tháp canh và tổ chức chiến dịch lớn. Đây cũng là giai đoạn mà phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị phát triển mạnh mẽ chưa từng có. Cuộc kháng chiến được đẩy mạnh trên mọi mặt, góp phần đánh bại chính sách **“Bình Định”** của địch.

Giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, trong điều kiện bị địch chia cắt, phong tỏa và càn quét liên miên, quân và dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ giữ vững phong trào, khắc phục những lệnh lạc hữu huynh trong thực hiện phương châm ba vùng, đấu tranh giành giật sức người, sức của với địch. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh du kích, kết hợp với phong trào đấu tranh đô thị và địch nguy vận, cầm chân địch tại chỗ, không ngừng mở rộng căn cứ địa và xây dựng cuộc sống mới mọi mặt ở vùng giải phóng, quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã từng bước giành lại thế chủ động, tạo thế, tạo lực, tích cực góp phần cùng quân và dân cả nước tiến công địch trong Đông-Xuân 1953-1954, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954- 1975):

Từ sau Hiệp định Giơnevơ, đế quốc Mỹ từng bước nắm chính quyền thống trị miền Nam Việt Nam, gạt Pháp và mọi thế lực thân Pháp, xây dựng bọn tay sai nguy quyền, nguy quân, thực hiện chính sách thực dân mới, tiến hành đánh phá quyết liệt cách mạng Miền Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã vững bước vào cuộc chiến đấu trong mối tương quan lực lượng không cân sức, dần dần gây dựng lực lượng, cùng với đồng bào cả nước thực hiện cuộc kháng chiến lâu dài gian khổ của dân tộc.

Ngay những ngày đầu bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong thế trận rất chênh lệch, nhưng Nhân dân miền Đông và cực Nam Trung bộ vẫn vững tin vào đường lối chủ trương của Đảng, kiên trì cuộc đấu tranh chính trị đòi địch thi hành hiệp định Giơnevơ, đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống **“tổ cộng diệt cộng”**, chống càn quét, khủng bố, cướp đất, dồn dân. Vừa đấu tranh chính trị, vừa có ý thức chuẩn bị tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang. Nhất là từ sau khi Ban Quân sự và Đảng ủy Miền được thành lập (tháng 12/1956), do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến, ủy viên quân sự Xứ ủy phụ trách thì công tác tích trữ vũ khí, xây dựng lại 2 căn cứ lớn: Dương Minh Châu, chiến khu D và nhiệm vụ tranh thủ các lực lượng giáo phái càng được đẩy mạnh, từng bước đưa đấu tranh vũ trang từ tự vệ lên tuyên truyền diệt ác, rồi tác chiến, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ. Tháng 06/1958, Bộ Tư lệnh miền Đông được thành lập; 15/02/1961 Quân giải phóng miền Nam công bố thành lập từ sự thống nhất các đơn vị lực lượng vũ trang cánh mạng. Từ đó phong trào đấu tranh và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang cách mạng càng phát triển mạnh mẽ.

Từ 1957 đến đầu năm 1961, các đơn vị đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông đã thực hiện một số trận đánh, đặc biệt trận đánh quận lỵ Dầu Tiếng (ngày 11/8/1958), sau 30 phút ta tiêu diệt và làm chủ toàn bộ căn cứ 1 tiểu đoàn lính **“cộng hòa”**, gây tiếng vang lớn trong toàn miền Đông và cả nước. Lần đầu tiên từ sau 1954, lực lượng vũ trang miền Đông chiếm được một chi khu quân sự địch. Trận đánh vào trụ sở cơ quan MAAG của Mỹ đóng tại nhà máy của BIF Biên hòa do đặc công biệt động Biên Hoà thực hiện (ngày 09/07/1959), là trận đánh Mỹ đầu tiên trên chiến trường Nam Bộ, diệt 2 tên cố vấn Mỹ, ghi tên đầu tiên trong danh sách lính Mỹ tử trận ở Việt Nam, gây tiếng vang lớn ở chiến trường. Ngày 26/01/1960, lực lượng vũ trang miền Đông đánh trận Tua 2 (Tây Ninh) làm chủ căn cứ một trung đoàn chủ lực ngụy, diệt và làm bị thương, bắt sống nhiều tên, thu nhiều vũ khí trang bị, mở đầu cho phong trào Đồng khởi ở miền Đông. Trong cuộc Đồng khởi 1960, quân dân miền Đông và cực Nam Trung bộ đã đánh sụp ngụy quyền cơ sở, giành quyền làm chủ phần lớn nông thôn (Thủ Dầu Một giải phóng 25/60 xã, Long An giải phóng 2/3 nông thôn, Kiến Tường phá banh gần hết khu trù mật dinh điền, Tây Ninh giải phóng 1/3 nông thôn, vùng ven Sài Gòn kiểm soát hơn 1/2 địa bàn phía Bắc, làm chủ vùng nông thôn Tây, Tây Nam thành phố...).

Từ 1961 đến giữa 1965, khi Mỹ-ngụy đổi chiến lược từ chiến tranh đơn phương sang tiến hành **“chiến tranh đặc biệt”**, quân dân miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung bộ vẫn giữ vững và phát triển quyền chủ động tiến công địch, nhanh chóng chuyển hướng chiến lược từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang ba thứ quân (du kích xã, bộ đội khu và bộ đội chủ lực Miền). Từ năm 1961 đến năm 1965, trên chiến trường miền Đông đã có những đơn vị chủ lực cấp tiểu đoàn, trung đoàn. Trên cơ sở lực lượng phát triển, quân và dân miền Đông và cực Nam Trung bộ đã vận dụng linh hoạt phương châm hai chân, ba mũi, ba vùng. Kết hợp tiến công với nổi dậy, tiêu diệt với làm chủ, sáng tạo nhiều hình thức phong

phủ của chiến tranh nhân dân, đưa chiến tranh nhân dân phát triển lên trình độ cao, tập trung phá **“áp chiến lược”**, từng bước làm phá sản **“quốc sách áp chiến lược”**, liên tiếp đánh bại các kế hoạch bình định của địch, giải phóng từng mảng nông thôn rộng lớn ở miền núi và đồng bằng; đồng thời kết hợp đẩy mạnh phong trào đô thị dẫn đến sự sụp đổ của chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm và sự khủng hoảng của chế độ tay sai của Mỹ.

Trong giai đoạn chiến tranh đặc biệt, LLVT miền Đông và cực Nam Trung bộ đã đánh nhiều trận tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch. Trong đó tiêu biểu nhất là chiến dịch Bình Giã (*từ ngày 02/12/1964 đến 07/01/1965*). Đây là lần đầu tiên trên chiến trường B2 ta mở chiến dịch lớn cấp Sư đoàn.

Bình Giã là trận đánh lớn thứ hai sau Ấp Bắc, ta đánh bại chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận của Mỹ. Diệt và làm bị thương 1.755 tên. Lần đầu tiên ta diệt một tiểu đoàn dù thuộc lực lượng Tổng trừ bị của quân nguy. Chiến dịch Bình Giã là trận đánh mạnh nhất làm sụp đổ chiến tranh đặc biệt của Mỹ. Đánh giá về tầm quan trọng của chiến dịch này, đồng chí Lê Duẩn viết: **“Với trận Ấp Bắc 1963 địch thấy khó thắng ta, sau chiến dịch Bình Giã, địch thấy có thể thua ta”**. Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì khẳng định: **“Chiến dịch Bình Giã đánh dấu sự thất bại về cơ bản của chiến tranh đặc biệt”**.

Giữa năm 1965 Đế quốc Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, tiến hành cuộc **“chiến tranh cục bộ”**, ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam. Miền Đông là chiến trường địch tập trung lực lượng cả Mỹ lẫn nguy cùng khối lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh lớn nhất.

Chiến trường miền Đông lúc này đã có 3 Sư đoàn chủ lực Miền (*Sư 9, Sư 5, Sư 7*). Bộ đội chủ lực Khu 7 phát triển lên 2 trung đoàn, Quân khu Sài Gòn-Gia Định có 5 tiểu đoàn chủ lực, và đặc khu Rừng Sác được thành lập ngay sát nách Sài Gòn. Với lực lượng đã phát triển mạnh lại được sự chi viện của cả nước, quân dân miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung bộ đã chủ động xác định quyết tâm đánh Mỹ, diệt nguy, vận dụng phương thức, phương châm tiến hành chiến tranh một cách linh hoạt, có hiệu quả, phát huy khả năng địa phương trong việc đảm bảo hậu cần tại chỗ, đặt cơ sở cho việc xây dựng và phát triển mạng lưới hậu cần nhân dân trong chiến tranh, góp phần lần lượt đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất và lần thứ hai của địch, thực hành các cuộc tổng tiến công và nổi dậy trong năm 1968, đánh vào các sào huyệt của địch ở Sài Gòn, giành thắng lợi lớn, góp phần buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và chịu đàm phán với ta ở Pari.

Trong giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ từ sau ngày ký Hiệp định Paris (27/01/1973), quân dân miền Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đã nhanh chóng khắc phục những lúng túng ban đầu (*để cho địch lấn đất, chiếm dân*), kịp thời chuyển sang thế tấn công giành chủ động, thực hiện nhiều trận đánh đạt hiệu suất cao như trận Bến Tranh ở Dầu Tiếng, trận đánh kho xăng Nhà Bè (*ngày 03/02/1973*)... Ngày 20/7/1974 trên chiến trường miền Đông thành lập Quân đoàn 4 chủ lực Miền và thành lập thêm 2 Sư đoàn 3 và 6. Nhằm tạo thêm

thế và lực mới, từ ngày 12/12/1974 đến 06/01/1975, ta quyết định mở chiến dịch đường 14 Phước Long, đồng thời các địa bàn khác như Tánh Linh, Võ Đắc, Tây Ninh, Bắc Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Sài Gòn cùng tiến công. Kết quả: sau 20 ngày chiến đấu, ta giải phóng đường 14, toàn tỉnh Phước Long, chiếm Đài quan sát của địch trên đỉnh núi Bà Đen, giải phóng trên 35.000 dân ở Hoài Đức, Tánh Linh và toàn Quận Tánh Linh.

Ý nghĩa đặc biệt là lần đầu tiên ở miền Nam, ta giải phóng một tỉnh mà địch không lấy lại được, Mỹ không dám can thiệp trở lại. Việc giải phóng Phước Long đã trở thành **“Đòn trình sát chiến lược”**, tạo thêm cơ sở để Bộ Chính trị bàn về quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong năm 1976 hoặc 1975.

Tiếp theo chiến thắng Phước Long, cùng nhịp với chiến dịch Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ đánh giải phóng Dầu Tiếng (từ 11-13/3/1975).

Qua chiến thắng Buôn Ma Thuột-Tây Nguyên và các chiến thắng ở miền Đông Nam Bộ, BCT đã hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Trung ương cục miền Nam đã ra quyết định 15 (ngày 29/3/1975) về tổng công kích, tổng khởi nghĩa thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị.

Ngày 07/4/1975, nhiệm vụ được quán triệt tại căn cứ Tà Thiết (Tây Lộc Ninh), Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh được thành lập.

Lực lượng tại chỗ được thống nhất lại (gồm Sư đoàn 2 đặc công Miền, Lữ 316 đặc công biệt động, các lực lượng của Sài Gòn – Gia Định). Riêng đặc công biệt động có 30 tiểu đoàn. Nhiệm vụ của các lực lượng tại chỗ là đánh chiếm các mục tiêu then chốt có thể chiếm được, phát động Nhân dân nổi dậy làm chủ, tạo mọi điều kiện tại chỗ để các quân đoàn tiến vào giải phóng Sài Gòn. Nhiệm vụ đặc biệt là chiếm giữ 14 cây cầu trên các ngã đường tiến về Sài Gòn (chủ yếu do Lữ 316 đặc công biệt động và trung đoàn đặc công 116 thực hiện).

Thực lực chính trị vũ trang Sài Gòn – Gia Định trước Chiến dịch Hồ Chí Minh có: Nội thành 700 cán bộ, ngoại thành có trên 1.000 cán bộ, ngoài ra có 1.300 cán bộ đã tiếp cận nội đô sẵn sàng vào nội đô để phát động quần chúng nổi dậy. Nội thành và vùng ven có 1.290 đảng viên, có hơn 10.000 quần chúng nòng cốt, 40 lăm chính trị với hơn 7.000 quần chúng cơ sở, 400 tổ chức công khai và bí mật với gần 25.000 người do ta nắm.

Biệt động: 60 tổ, 301 quần chúng có vũ trang, 30.000 quần chúng sẵn sàng nổi dậy, trên 3.300 du kích, và trên 300 tự vệ mật.

Các đơn vị tập trung của LLVT tại chỗ và các đơn vị đặc công biệt động đã đến vùng ven.

Ngay sau khi có lệnh trong hai ngày 29 và 30/4/1975 quân dân miền Đông Nam Bộ đã cùng các binh đoàn chủ lực thực hiện cuộc tổng tiến công và nổi dậy thành công, kết thúc thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trong 5 cánh quân tiến vào Sài Gòn, có 2 cánh quân thuộc các lực lượng chiến đấu trên chiến trường Đông Nam bộ và cực Nam Trung bộ đó là Quân đoàn 4 ở hướng Đông và Đoàn 232 (*tương đương quân đoàn*) ở hướng Tây Nam.

Về nổi dậy: Quần chúng Sài Gòn, Gia Định đã nổi dậy ở 107 khu vực (*có 31 khu ngoại thành*), 32 khu vực nổi dậy trong ngày 29/4 và rạng sáng 30/4, 34 khu vực nổi dậy trước khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, riêng quân dân Sài Gòn – Gia Định đã diệt và làm tan rã 31.000 tên địch, bắt làm tù binh 12.619, chiếm 9 căn cứ quân sự, 5 chi khu, 21 phân khu và trụ sở tề, thu 12.275 súng và gần như toàn bộ hồ sơ của địch. Số ngụy quân lần lượt ra trình diện 40 vạn, số công an và cảnh sát 10 vạn. Việc này đã tạo thuận lợi cho ta giải phóng Sài Gòn nguyên vẹn và mọi sinh hoạt, trật tự an ninh thành phố đã ổn định ngay sau đó.

Sau 30/4/1975, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang tham gia thực hiện nhiệm vụ quân quản, tổ chức sắp xếp lại lực lượng và tiến hành thành lập QK7 theo chỉ đạo của Trung ương.

Chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế (1977–1989)

Vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chưa được bao lâu, lực lượng vũ trang Quân khu 7 lại bắt tay vào cuộc chiến đấu mới: cùng Nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh trên tất cả các lĩnh vực, góp phần xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới.

Ngày 30/4/1977, cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam do bọn phản bội Pôn-pốt tiến hành đã bắt đầu diễn ra quyết liệt, nhất là từ tháng 9 đến tháng 11/1977. Quân khu 7 vừa tổ chức lực lượng bảo vệ biên giới, vừa thực hiện nhiệm vụ giữ vững an ninh địa bàn.

Cuối năm 1978, đầu năm 1979, theo đề nghị của lực lượng cách mạng CPC và thông suốt chỉ thị của trên, lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã cùng các đơn vị bạn phối hợp với các lực lượng cách mạng Campuchia tiến hành cuộc phản công truy kích bọn Pôn-pốt, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng.

Lúc này, để đáp ứng tình hình, theo quyết định của ĐUQSTW, Bộ Tư Lệnh Quân khu 7 được kiện toàn, do Trung tướng Lê Đức Anh làm Tư lệnh.

Sau khi Campuchia hoàn toàn giải phóng (*ngày 07/01/1979*), Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang hướng Tây Nam tiếp tục giúp Cách mạng Campuchia bảo vệ thành quả cách mạng.

Cùng với các Quân khu 5, 9 và 1 bộ phận lực lượng chủ lực của Bộ, LLVT Quân khu 7 liên tục 10 năm giúp Bạn đã làm tốt nhiệm vụ liên minh chiến đấu, giúp nhân dân Campuchia hồi sinh, từng bước củng cố, xây dựng lực lượng đủ khả năng tự đảm đương nhiệm vụ của mình. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tháng 9/1989, các đơn vị thuộc QK7 (*MT 479 và 779*) cùng quân tình nguyện Việt Nam rút toàn bộ về nước.

Nhờ có sự giúp đỡ to lớn, chí tình của Quân tình nguyện Việt Nam, Bạn có đủ thể và lực để thực hiện một giải pháp có lợi cho sự ổn định và phát triển của

đất nước Campuchia. Từ khi thực hiện tổng tuyển cử với sự giám sát của Liên hợp quốc (1991) đến nay, tình hình Campuchia ngày càng ổn định, an ninh biên giới được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của 2 nước và cho cả khu vực.

Huấn luyện, xây dựng, sẵn sàng chiến đấu góp phần làm thất bại chiến lược “DBHB”, BLLĐ của kẻ thù, giữ vững an ninh, chính trị trên địa bàn QK

Trong bối cảnh quốc tế sau khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh thực hiện việc xóa bỏ các nước XHCN còn lại bằng chiến lược **“DBHB”, BLLĐ** kết hợp với răn đe tiến công quân sự, trong đó Việt Nam là một trọng điểm.

Thực tế trên địa bàn Quân khu 7 từ năm 1990 đến nay địch tập trung đánh phá ta bằng nhiều phương tiện và thủ đoạn tinh vi, thâm độc. Chỉ tính riêng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận đã có hàng chục tổ chức phản động.

Bọn phản động đã dựa vào một số khuyết điểm và nhược điểm của ta trong việc thực hiện chính sách và một bộ phận cán bộ thoái hoá biến chất rồi khuếch đại, gây mối nghi ngờ giữa quần chúng với Đảng, chính quyền và quân đội, làm giảm lòng tin của Nhân dân vào Nhà nước và chế độ. Từ đó mà xuyên tạc CNXH, tuyên truyền cho cái gọi là tính **“ưu việt”** của CNTB hiện đại; cài cắm, xây dựng lực lượng tạo phản, thực hiện các cuộc bạo loạn nhằm lật đổ chế độ ta. Các thế lực thù địch triệt để sử dụng chiêu bài **“tự do, dân chủ, nhân quyền”**, các vấn đề về **“dân tộc, tôn giáo”** để tạo ra các điểm nóng, làm chúng ta mất ổn định, tạo cơ can thiệp tiến hành lật đổ chế độ.

Trước tình hình trên, nhất là từ sau khi Quân tình nguyện ở Campuchia rút quân về nước, LLVT Quân khu 7 đã kịp thời tăng cường triển khai thực hiện các nhiệm vụ củng cố, xây dựng lực lượng, thực hành huấn luyện không ngừng nâng cao sức mạnh sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, cùng các địa phương xây dựng các khu vực phòng thủ và thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh. LLVT Quân khu đã đoàn kết, phối hợp cùng các lực lượng Công an nhân dân và Nhân dân các địa phương thực hiện các nhiệm vụ ngăn chặn, giải quyết các điểm nóng, kịp thời phát hiện, truy quét bọn Fun Rô và các nhen nhóm bạo loạn, làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN, đảm bảo cho công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế – xã hội của các tỉnh, thành vững chắc đi lên. Chưa bao giờ 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lại gắn bó chặt chẽ như hiện nay. Đảng bộ Quân khu đã phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương luôn quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của QUTW, BQP, hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, có nhiều nhiệm vụ hoàn thành tốt và xuất sắc. Nổi bật là luôn nắm chắc tình hình, thực hiện tốt chức năng tham mưu đề xuất với QUTW, BQP, với Đảng, Nhà nước và phối hợp chặt chẽ các lực lượng xử lý hiệu quả các tình huống QP&AN, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, xung yếu góp phần bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng

phát triển đất nước; nhiều địa phương trên địa bàn Quân khu luôn dẫn đầu cả nước về năng suất lao động, thu hút đầu tư, thu ngân sách và đóng góp tỷ trọng lớn trong tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

Phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nền QPTD, thể trận QPTD gắn với thể trận ANND, xây dựng KVPT vững chắc; nhiều đề án, dự án, chủ trương, mô hình đổi mới sáng tạo, sát đúng được triển khai thực hiện có tính chiến lược và ý nghĩa CT-XH sâu sắc, được sự đồng thuận ủng hộ, tham gia tích cực, hiệu quả của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân. Chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng SSCĐ của LLVT Quân khu không ngừng được nâng lên. Các khâu đột phá về tổ chức biên chế, xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật, cải cách hành chính quân sự và chuyển đổi số, nâng cao công tác QS, QP địa phương đạt hiệu quả thiết thực. Thực hiện tốt CTĐ, CTCT, công tác hậu cần tài chính, kỹ thuật, công tác thanh tra, pháp chế, khoa học quân sự, quan tâm chăm lo tốt đời sống bộ đội; công tác đối ngoại quốc phòng được triển khai toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm góp phần quan trọng bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Trong phòng chống Đại dịch Covid19, Quân khu 7 đã lập nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc trong thời bình, được Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và toàn thể Nhân dân cả nước ghi nhận, đánh giá cao.

Đảng bộ, LLVT Quân khu luôn đoàn kết, thống nhất, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, gương mẫu trong học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đi đầu trong phòng chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Trước những diễn biến phức tạp và khó khăn, Đảng bộ, LLVT Quân khu luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; quản lý, điều hành của Nhà nước; kiên định mục tiêu ĐLDT gắn liền với CNXH, thực hiện tốt chức năng đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất, gắn bó máu thịt với Nhân dân, thủy chung với bạn bè quốc tế, đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Câu 3: Những nét tiêu biểu truyền thống vẻ vang của lực lượng vũ trang Quân khu 7?

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, sự nuôi dưỡng và đùm bọc của Nhân dân, trải qua 80 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành Quân khu 7 đã lập nên những chiến công hiển hách, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Các thế hệ cán bộ, chiến sỹ đã xây đắp nên truyền thống vẻ vang **“Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng”**. Truyền thống đó được thể hiện rõ ở những nét tiêu biểu sau đây:

(1) lực lượng vũ trang Quân khu luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh để bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc.

(2) luôn nêu cao tinh thần chủ động sáng tạo, tự lực tự cường vượt qua khó khăn, gian khổ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

(3) đoàn kết nội bộ chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, gắn bó máu thịt với Nhân dân, thực hiện quân với dân một ý chí, không ngừng phát huy bản chất tốt đẹp và truyền thống vẻ vang của bộ đội Cụ Hồ.

(4) luôn nêu cao tinh thần quốc tế cao cả, đoàn kết thủy chung, trọn nghĩa vẹn tình với bạn bè quốc tế.

Câu 4: Những địa danh lịch sử cách mạng nổi tiếng trên địa bàn Quân khu 7?

1. TP. Hồ Chí Minh

- Hội trường Thống Nhất.
- Đền Bến Dược Củ Chi.
- Địa đạo Củ Chi.
- Bến Nhà Rồng.
- Mười Tám Thôn Vườn Trầu.
- Ngã Ba Giồng.
- Láng Le - Bàu Cò.
- Chiến khu rừng Sác.
- Chiến khu An Phú Đông.
- Địa đạo Phú Thọ Hòa.
- Khu căn cứ Minh Đạm (thuộc Bà Rịa- Vũng Tàu cũ).
- Nhà tù Côn Đảo (thuộc Bà Rịa- Vũng Tàu cũ).
- Nghĩa trang liệt sĩ Hàng Dương (thuộc Bà Rịa- Vũng Tàu cũ).
- Di tích Cách mạng Nhà Tròn (thuộc Bà Rịa- Vũng Tàu cũ).
- Chùa Hựu Khánh (thuộc Bình Dương cũ).
- Nhà tù Phú Lợi (thuộc Bình Dương cũ).
- Đình Phú Long (thuộc Bình Dương cũ).
- Địa đạo Bến Cát (thuộc Bình Dương cũ).

2. Tây Ninh

- Căn Cứ Trung ương Cục Miền Nam.
- Địa đạo An Thới.
- Địa đạo Lợi Thuận.
- Khu di tích chiến thắng Tua Hai.
- Khu di tích Bời Lời.
- Khu di tích Dương Minh Châu.
- Khu di tích Xứ Ủy Nam Bộ.

- Khu di tích Ban An Ninh Trung ương Cục miền Nam.
- Khu di tích Mặt trận DTGPMN Việt Nam.
- Khu di tích Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
- Khu di tích Ban Tuyên Huấn Trung ương Cục miền Nam.
- Khu di tích Ban tổ chức Trung ương Cục miền Nam.
- Vàm Nhật Tảo huyện Tân Trụ (thuộc Long An cũ).
- Đám Lá Tỏi Trời huyện Tân Trụ (thuộc Long An cũ).
- Đồn Rạch Cát huyện Cần Đước (thuộc Long An cũ).
- Ngã tư Rạch Kiến huyện Cần Đước (thuộc Long An cũ).
- Ngã tư Đức Hòa huyện Đức Hòa (thuộc Long An cũ).

3. Đồng Nai

- Chiến khu D.
- Khu di tích căn cứ Khu ủy miền Đông.
- Địa đạo Nhơn Trạch.
- Địa đạo Suối Linh.
- Căn cứ tỉnh ủy Biên Hòa (Long Thành- Trảng Bom).
- Đình Phú Mỹ (xã Phú Hội- Nhơn Trạch).
- Tòa Bó Biên Hòa (trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai).
- Khu căn cứ Tà Thiết (Bộ chỉ huy Miền – thuộc Bình Phước cũ).
- Căn cứ Phú Riềng (huyện Phước Long) còn gọi là “Phú Riềng Đỏ” là nơi ra đời chi bộ Đảng Cộng Sản đầu tiên vùng Đông Nam Bộ (thuộc Bình Phước cũ).

4. Lâm Đồng

- Khách sạn Palace.
- Căn cứ kháng chiến Khu VI - Cát Tiên.
- Di tích Nhà lao thiếu nhi Đà Lạt.
- Chiến khu Lê Hồng Phong (thuộc Bình Thuận cũ).
- Khu di tích trường Dục Thanh (thuộc Bình Thuận cũ).

Câu 5: Những trận đánh, chiến dịch tiêu biểu của quân và dân Quân khu 7 trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược?

1. Trận La Ngà

Đây là trận đánh giao thông lớn nhất ở miền Đông Nam bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp do lực lượng vũ trang Chi đội 10 Biên Hòa phối hợp với Liên quân 17 do (bộ đội Khu 7) thực hiện. Chi đội 10 lúc bấy giờ do Huỳnh

Văn Nghệ làm chỉ đội trưởng (đồng thời là Khu bộ phó khu 7), ông Nguyễn Văn Lung – chỉ đội phó – trực tiếp chỉ huy trận đánh.

Ngày 01 tháng 3 năm 1948, sau một thời gian dài chuẩn bị, Chi đội 10 phục kích tấn công đoàn xe quân sự Pháp từ Sài Gòn đi Đà Lạt trên lộ 20. Tuyến phục kích trải dài trên 9 km từ cây số 104 đến 113 nay thuộc địa bàn Định Quán. Đây là đoạn đường rải nhựa bằng phẳng nhưng uốn lượn quanh co khúc khuỷu, có nhiều đoạn dốc kéo dài. Hai bên đường là rừng già, có chỗ một bên là vực sâu, có độ dốc cao.

Lực lượng vũ trang cách mạng tập kết quân và bố trí phục kích trên ba mặt trận với tên gọi: A, B, C nhằm khóa đuôi, chặn viện và đánh thẳng vào đoàn xe quân sự địch. Trên các mặt trận được bố trí địa lôi.

Vào khoảng 15 giờ 12 phút, chiếc thiết giáp dẫn đầu đoàn xe địch lọt vào trận địa phục kích. Quân cách mạng tấn công. Ba trái địa lôi và viên đạn chống tăng gần như nổ cùng một lúc tạo nên một cột lửa khói bao trùm mục tiêu. Chiếc thiết giáp bị đẩy hất lên nằm chắn ngang đường rồi bốc cháy. Tên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin chết tại chỗ. Hai chiếc xe chở lính hộ tống đi tiếp sau đâm sầm vào xác chiếc xe trước bắt lửa cháy luôn. Quân cách mạng dùng hỏa lực tiêu diệt đám lính sống sót và vận động xung phong tấn công trực diện đoàn xe địch trên lộ.

Số xe địch đi sau lọt hẳn vào trận địa và tiếp tục tiến lên, không hay biết về bộ phận đi đầu đã bị tiêu diệt. Khắp cả hai mặt trận B và C, quân ta tập trung hỏa lực vào những xe quân sự, chiến đấu quyết liệt với địch và nhanh chóng làm chủ trận địa. 16 giờ trận đánh kết thúc, 59 xe địch bị tiêu diệt hoàn toàn, 150 lính lê dương đi hộ tống, 25 sĩ quan Pháp, trong đó có đại tá De Sérigné (Đờ-xê-ri-nhê) - chỉ huy lữ đoàn lê dương thứ 13 và đại tá Patruit (Pa-tơ-rút) - phó tham mưu trưởng thứ nhất quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương bị thiệt mạng, trung úy Joeffrey (Dép-phây) - chỉ huy đội hộ tống bị bắt sống.

Cùng với bộ đội Chi đội 10 và liên quân 17, lực lượng vũ trang địa phương tham gia trận đánh rút về căn cứ an toàn. Chiến thắng La Ngà gây một tiếng vang lớn trong cả nước ta, làm chấn động dư luận nước Pháp. Đây là một chiến thắng quân sự lớn nhất từ đầu cuộc kháng chiến đến lúc bấy giờ của lực lượng vũ trang Biên Hòa nói riêng, lực lượng vũ trang Miền Đông Nam bộ nói chung. Trận đánh giao thông La Ngà đánh dấu bước tiến vượt bậc về khả năng phối hợp, tổ chức, trình độ chiến thuật, kỹ thuật của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hoà. Các đơn vị tham gia trận đánh được vinh dự nhận Huân chương Quân công hạng II do Bác Hồ trao tặng.

2. Chiến dịch Bình Giã

Chiến dịch Bình Giã được chia làm hai đợt: Đợt 1 từ ngày 2 đến ngày 17/12/1964; Đợt 2 từ ngày 27/12/1964 đến ngày 03/01/1965. Lực lượng tham gia chiến dịch của ta gồm 2 trung đoàn bộ binh (761 và 762); Đoàn pháo binh 563 của Miền (Tiểu đoàn 35 súng cối 81mm và ĐKZ 75mm, Tiểu đoàn sơn pháo 75mm, Tiểu đoàn 41 súng máy phòng không 12,7mm); 2 tiểu đoàn bộ đội

tập trung (800 và 500) của Quân khu 7; Tiểu đoàn 186 bộ đội tập trung của Quân khu 6, Đại đội 445 và một số trung đội của các huyện thuộc tỉnh Bà Rịa.

Kết quả, ta đã loại khỏi chiến đấu trên 1.700 tên (có hàng chục cố vấn Mỹ), bắt gần 300 tên địch, trong đó diệt gọn Tiểu đoàn thủy quân lục chiến 4, Tiểu đoàn biệt động quân 33 và một chi đoàn xe cơ giới M113 (thuộc Thiết đoàn 1), đánh thiệt hại 3 tiểu đoàn khác và nhiều đại đội, bắn rơi, phá hỏng 56 máy bay, (chủ yếu là máy bay trực thăng), phá huỷ 45 xe quân sự (phần lớn là xe M113, trong đó có 2 xe tăng M41), thu hơn 1.000 súng các loại và gần 100 máy thông tin.

3. Chiến dịch Đồng Xoài

Vào tháng 5/1965, Trung ương Cục, Quân ủy Miền quyết định mở chiến dịch Đồng Xoài với quy mô cấp tương đương sư đoàn tăng cường, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực tinh nhuệ của địch, hỗ trợ Nhân dân đẩy mạnh chiến tranh du kích, nổi dậy phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng trên địa bàn các tỉnh Phước Long, Bình Long và phía Bắc tỉnh Thủ Dầu Một; phối hợp trên địa bàn bốn tỉnh Lâm Đồng, Bình Tuy, Long Khánh, Biên Hòa.

Tham gia chiến dịch Đồng Xoài, ta huy động 3 trung đoàn bộ binh (271, 272, 273), và tiểu đoàn 840 cùng lực lượng vũ trang địa phương có nhiệm vụ mở màn chiến dịch. Hướng phối hợp ở các tỉnh Lâm Đồng, Bình Tuy, Long An, Biên Hòa, Bà Rịa, tại đây ta sử dụng 1 trung đoàn (thiếu 1 tiểu đoàn) và 1 tiểu đoàn của Quân khu 6, có nhiệm vụ đánh phá giao thông, phân tán lực lượng địch.

Chiến dịch Đồng Xoài diễn ra từ ngày 10/5 đến ngày 22/7/1965, được chia làm 3 đợt. Sau hơn 2 tháng chiến đấu oanh liệt, quân ta đã tiêu diệt 4 tiểu đoàn (d7 dù, d1, d2/e7, d4/e1), 24 đại đội, 6 chi đội cơ giới, 4 phân đội kỹ thuật, loại khỏi vòng chiến đấu 4.459 tên, thu 1.652 súng các loại, phá 390 súng và 60 xe cơ giới, bắn rơi 34 máy bay các loại, phá 76 ấp chiến lược, giải phóng 56 ngàn dân, tổ chức được 180 du kích, vận động được 350 thanh niên tòng quân, góp phần thúc đẩy chiến tranh du kích tại địa bàn lên một bước mới.

Chiến dịch Đồng Xoài đã cho thấy bước phát triển cao hơn chiến dịch Bình Giã, bộ đội chủ lực Miền đã có nhiều tiến bộ trong đánh tiêu diệt, đánh công kiên. Trình độ tổ chức và điều hành chiến dịch của đội ngũ cán bộ đã có tiến bộ rõ rệt, ta đã tiêu diệt được một bộ phận sinh lực trong đó có các đơn vị tinh nhuệ (tiểu đoàn 7 và 4). Trình độ hiệp đồng trong tác chiến vận động đã có tiến bộ nhất là lần đầu tiên ta đã đánh công kiên giành thắng lợi.

Chiến dịch Đồng Xoài là sự phát triển của nghệ thuật chiến dịch tiến công, trong đó phải kể đến nghệ thuật mở màn và câu viện. Trong chiến dịch này, ta đã khéo léo kết hợp giữa đánh điểm và diệt viện, giữa đánh địch trong công sự với diệt địch ngoài công sự. Vai trò đánh điểm đã thể hiện cả hai chức năng: Vừa câu viện vừa diệt sinh lực địch trong công sự vững chắc.

4. Đánh bại cuộc hành quân Gian-xon xiti của quân Mỹ

Tháng 01/1967, với lực lượng 3 lữ đoàn Mỹ cùng 3 chiến đoàn Ngụy và cuộc hành quân quy mô lớn nhất, dài ngày nhất mang tên Gian-xon Xi-ti (Junction City), tập trung lực lượng đánh vào vùng Bắc Tây Ninh, sát biên giới Việt Nam-Campuchia. Lực lượng bao gồm: 31 tiểu đoàn bộ binh thuộc các Sư đoàn 1, 25, 4, 9 và các Lữ đoàn 196, 173 của Mỹ, 1 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân Quân đội Sài Gòn; 1 trung đoàn và 8 tiểu đoàn xe tăng, thiết giáp, 4 trung đoàn pháo binh (tổng số khoảng 45.000 quân) với sự yểm trợ của 17 phi đoàn không quân các loại...

Chiến dịch diễn ra bắt đầu từ ngày 22/2, kết thúc vào ngày 15/4/1967 và chia làm 2 đợt. Kết quả, ta đã bẻ gãy cuộc hành quân Gian-xon Xi-ti của Mỹ. Toàn bộ các mục tiêu mà quân địch đề ra đều không thực hiện được.

Ngược lại, ta loại khỏi vòng chiến đấu 14.233 quân địch (chủ yếu là quân Mỹ), phá huỷ, phá hỏng 992 xe (có 775 xe tăng và xe thiết giáp), 112 khẩu pháo từ 105mm trở lên, bắn rơi và bắn hỏng 160 máy bay (có 144 trực thăng), tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng nhiều đơn vị tinh nhuệ của Mỹ. Đây là thất bại lớn nhất của Mỹ tính đến thời điểm đó.

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh nhận xét: "Cuộc hành quân Gian-xon Xi-ti là một cuộc hành quân lớn nhất của quân Mỹ vào vùng căn cứ Bắc Tây Ninh lại là cuộc hành quân thua đau nhất, là cái mốc đánh dấu đỉnh cao sự thất bại của chúng trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai trong âm mưu tìm diệt của chúng".

Câu 6: Những đề án chủ trương mới, cách làm sáng tạo, mô hình hiệu quả của LLVT Quân khu hiện nay?

1. Các đề án chủ trương mới

- Xây dựng chốt dân quân thường trực biên giới đất liền;
- Xây dựng điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới;
- Xây dựng điểm dân cư liên kề đồn, trạm, chốt Biên phòng;
- Xây dựng LLVT địa phương vững mạnh ngay từ cơ sở;
- Xây dựng các đại đội dân quân thường trực luân phiên huấn luyện;
- Xây dựng Hải đội dân quân thường trực;
- Xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt là quân nhân dự bị;
- Mua sắm công cụ hỗ trợ cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ A, A2;
- Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động lực lượng đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng;
- Nâng cao chất lượng hoạt động Báo Quân khu 7 giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo;

- Xây dựng và phát triển Đoàn văn công giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo;

- Tổ chức, hoạt động Bảo tàng Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo;

- Phát triển Bệnh viện 7A, 7B, Quân dân Y đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

- Địa phương, đơn vị tuyển sau hỗ trợ địa phương đơn vị tuyển trước;

- Gắn kết thân thiện, giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số và tôn giáo;

- Tăng cường đoàn kết, giúp đỡ quân đội và nhân dân Campuchia.

2. Các mô hình

(1) “Đơn vị 3 nhất”

- Hoàn thành nhiệm vụ chính trị xuất sắc nhất

- Kỷ luật nghiêm nhất

- Cơ quan, đơn vị an toàn nhất

(2) “Cán bộ, đảng viên dìu dắt quần chúng và cấp dưới”

- Giáo dục, phổ biến những nội dung kiến thức cơ bản về mục đích lý tưởng, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội và các quy định của đơn vị.

- Động viên chia sẻ, giúp đỡ khắc phục vượt qua những khó khăn vướng mắc trong sinh hoạt, học tập, công tác và cuộc sống của quần chúng và cấp dưới.

- Định hướng tư tưởng, hướng dẫn hành động, xây dựng động cơ phấn đấu, ý chí quyết tâm vươn lên trong công tác và cuộc sống cho quần chúng để đạt nguyện vọng trở thành đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.

(3) “5 chủ động trong công tác tư tưởng”

- Chủ động nắm tư tưởng.

- Chủ động đánh giá, dự báo tình hình tư tưởng.

- Chủ động định hướng tư tưởng.

- Chủ động giải quyết tư tưởng.

- Chủ động đấu tranh tư tưởng.

(4) “Chi bộ 5 tốt, đảng viên 5 tốt”

- *Xây dựng chi bộ 5 tốt*

- + Lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị:

- + Lãnh đạo xây dựng nội bộ dân chủ, đoàn kết:

+ Lãnh đạo chấp hành tốt pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội và bảo đảm an toàn tuyệt đối:

+ Lãnh đạo thực hiện tốt việc phòng chống biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”:

+ Lãnh đạo thực hiện tốt việc khắc phục khuyết điểm, hạn chế.

- Xây dựng đảng viên 5 tốt

+ Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao:

+ Luôn gương mẫu:

+ Đoàn kết nội bộ tốt, thương yêu đồng chí; kính trọng Nhân dân; sống có nghĩa có tình:

+ Chấp hành kỷ luật tốt và bảo đảm an toàn:

+ Thực hiện tốt việc phòng chống biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”:

(5) “Chi đoàn 4 tốt, 1 nghiêm”

- Đoàn kết tốt

- Học tập tốt.

- Rèn luyện tốt.

- Công tác tốt

- Kỷ luật nghiêm.

Câu 7: Viết cảm tưởng, hoặc kỷ niệm của bản thân, gia đình về người chiến sỹ Quân khu 7, về mối quan hệ giữa Nhân dân với LLVT Quân khu 7 và trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay (từ 1.500 đến 2.000 từ)?

Bài viết cần đạt được một số ý chính sau:

1. Cảm tưởng về hình ảnh Người chiến sỹ Quân khu 7

- Người chiến sỹ Quân khu 7 luôn kế thừa, phát huy bản chất truyền thống cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ” trên các lĩnh vực chiến đấu, công tác, trong các mối quan hệ, trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế...

- Qua các kỷ niệm hoặc các cảm nghĩ đó làm ngời sáng lên phẩm chất Người chiến sỹ Quân khu 7, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”.

- Nâng cao lòng tự hào về truyền thống LLVT Quân khu 7, phẩm chất cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”, cổ vũ động viên mọi người hăng hái thi đua góp phần xây dựng đất nước, quê hương, xây dựng quân đội, LLVT Quân khu, đơn vị...

- Làm cho các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ thêm tin tưởng yêu mến, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc tham gia giữ gìn và phát huy

truyền thống của Người chiến sỹ Quân khu 7, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới.

2. Trách nhiệm của bản thân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

- Khẳng định lòng tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm trong lịch sử của dân tộc, quân đội ta, của quân và dân Miền Đông Nam bộ, Cục Nam Trung bộ.

- Thế hệ trẻ ngày nay thêm tin tưởng, yêu mến, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc tham gia giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

- Bối cảnh và xu thế phát triển của thế giới hiện nay, mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có những diễn biến phức tạp và khó lường.

- Những yêu cầu mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay, đòi hỏi thế hệ trẻ phải có nhận thức và hành động như thế nào?

- Liên hệ đến công việc hiện tại đang làm góp phần gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN./.



Phụ lục II
NỘI DUNG TRÊN TRANG BÌA TÁC PHẨM DỰ THI
TÌM HIỂU “80 NĂM LỊCH SỬ VẼ VANG CỦA QUÂN KHU 7”
(Kèm theo Quy chế số 56 /QĐ-BTC ngày 16/6/2025 của BTC Cuộc thi THPTQG)

Áp dụng cho đối tượng: Cán bộ, chiến sĩ LLVT Quân khu 7

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC QUÂN KHU

.....

TÁC PHẨM DỰ THI
TÌM HIỂU “80 NĂM LỊCH SỬ VẼ VANG CỦA QUÂN KHU 7”

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A

Cấp bậc:

Chức vụ:

Đơn vị:

Tháng /2025


 Phần III

NỘI DUNG TRÊN TRANG BÌA TÁC PHẨM DỰ THI
TÌM HIỂU “80 NĂM LỊCH SỬ VẼ VANG CỦA QUÂN KHU 7”
 (Kèm theo Quy chế số 56 /QC-BTC ngày 18/6/2025 của BTC Cuộc thi THPTQK)

Áp dụng cho cá nhân tham gia Cuộc thi không thuộc LLVT Quân khu 7

TÊN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
TÊN CƠ QUAN,... (ĐỊA PHƯƠNG, ...)

TÁC PHẨM DỰ THI
TÌM HIỂU “80 NĂM LỊCH SỬ VẼ VANG CỦA QUÂN KHU 7”

Họ và tên: NGUYỄN VĂN A

Sinh năm:... (... tuổi)

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Số điện thoại:

Tháng /2025

